

Số: /2025/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 8 năm 2025.

2. Từ ngày Quyết định này có hiệu lực, các Quyết định sau đây của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu hết hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2012 ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2012 ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra VB và Quản lý xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Cục CSGT - Bộ Công an;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Lai Châu;
- Văn phòng UBND tỉnh: V, C, CB (đăng tải);
- Lưu: VT, TH4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng A Tính

QUY ĐỊNH

Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện hoạt động vận tải trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.
2. Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý hoạt động vận tải trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Đường đô thị* là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị, bao gồm: đường cao tốc đô thị, đường phố, đường ngõ, ngách, kiệt, hẻm trong đô thị.
2. *Hoạt động vận tải trong đô thị* là việc tổ chức, cá nhân sử dụng xe thô sơ, xe cơ giới để vận tải người, hàng hoá trên các tuyến đường bộ; vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải rời, chất thải nguy hại, rác thải vệ sinh môi trường trên các tuyến đường đô thị.
3. *Hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ* là hoạt động do tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là đơn vị kinh doanh vận tải) sử dụng xe thô sơ, xe cơ giới để cung cấp dịch vụ vận tải người, hàng hoá trên đường bộ nhằm mục đích sinh lợi.
4. *Hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ* là hoạt động vận tải không kinh doanh, không thu tiền cước, chi phí vận tải được tính vào chi phí quản lý, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ của người vận tải; bao gồm hoạt động vận tải người nội bộ và hoạt động vận tải hàng hoá nội bộ.

5. *Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt* là loại hình kinh doanh vận tải hành khách sử dụng xe ô tô chở người từ 08 chỗ trở lên (*không kể chỗ của người lái xe*) để vận tải hành khách, có xác định điểm đầu, điểm cuối, các điểm dừng xe để đón, trả khách với lịch trình, hành trình xác định.

Điều 4. Yêu cầu chung đối với hoạt động vận tải trong đô thị

1. Phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo các điều kiện tham gia giao thông đường bộ, đáp ứng các quy định đối với từng loại hình vận tải, còn niên hạn sử dụng theo quy định.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách, đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa phải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ do cơ quan có thẩm quyền cấp; có người điều hành vận tải, bộ phận, người thực hiện công tác quản lý an toàn giao thông theo quy định.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định, bằng xe buýt

1. Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ phương án khai thác tuyến cố định đã đăng ký, biểu đồ chạy xe theo phương án khai thác tuyến xe buýt đã ký kết; chỉ được dừng xe, đỗ xe đón trả khách tại bến xe hai đầu tuyến và các điểm dừng, đỗ đón trả khách trên tuyến đã được công bố; chấp hành nghiêm phương án tổ chức phân luồng, tổ chức giao thông đô thị.

3. Chấp hành giữ vệ sinh, bố trí thùng rác trên xe, không để hành khách vứt rác xuống lòng, lề đường.

Điều 6. Hoạt động vận tải hành khách bằng taxi

1. Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

2. Người lái xe taxi và hành khách đi xe có thể thỏa thuận vị trí đón, trả khách nhưng phải chấp hành các quy định về bảo đảm an toàn giao thông, tổ chức giao thông đô thị.

3. Trong thời gian đỗ xe chờ đón khách, các xe chỉ được đỗ tại các điểm đỗ xe theo quy định.

4. Xe taxi được bố trí nơi dừng, đỗ để đón, trả khách tại các bến xe, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, điểm tham quan du lịch, địa điểm văn hóa, thể thao, trung tâm thương mại; được ưu tiên hoạt động khi tổ chức giao thông tại đô thị.

Điều 7. Hoạt động vận tải hành khách theo hợp đồng

1. Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

2. Việc vận chuyển hành khách phải theo hợp đồng vận tải bằng văn bản, phải giữa đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng với người thuê vận tải, bao gồm cả thuê người lái xe theo quy định.

3. Đón trả khách theo đúng địa điểm trong hợp đồng vận tải đã ký kết, nhưng phải đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

Điều 8. Hoạt động vận tải hàng hóa

1. Yêu cầu đối với phương tiện

a) Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

b) Xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc kinh doanh vận tải hàng hóa, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải phải có phù hiệu “XE TẢI” theo mẫu số 09 Phụ lục XIII kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP và được dán cố định tại góc trên bên phải ngay sát phía dưới vị trí của Tem kiểm định, mặt trong kính chắn gió phía trước của xe.

2. Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải

a) Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải là việc sử dụng xe ô tô có trọng tải từ 1.500 ki-lô-gam trở xuống để vận chuyển hàng hóa và người thuê vận tải trả tiền cho lái xe theo đồng hồ tính tiền hoặc theo phần mềm tính tiền trên xe. Mặt ngoài hai bên thành xe hoặc cánh cửa xe niêm yết chữ “TAXI TẢI” theo mẫu số 08 Phụ lục XIII kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP, số điện thoại liên lạc, tên đơn vị kinh doanh;

b) Thực hiện theo quy định tại khoản 11, khoản 13 Điều 56, Điều 61 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; khoản 1 Điều 49 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

3. Hoạt động vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng

a) Hoạt động vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng là việc sử dụng xe ô tô phù hợp để vận chuyển hàng không thể chia nhỏ, tháo rời, khi vận chuyển trên đường bộ làm cho phương tiện hoặc tổ hợp phương tiện bị vượt quá giới hạn cho phép tham gia giao thông đường bộ về kích thước, khối lượng theo quy định của pháp luật;

b) Khi vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng, phải thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 56, Điều 61 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; Điều 53 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

4. Hoạt động vận tải hàng hóa nguy hiểm

a) Hoạt động vận tải hàng nguy hiểm là việc sử dụng xe ô tô để vận chuyển hàng hóa có chứa các chất nguy hiểm có khả năng gây nguy hại tới tính mạng, sức khỏe con người, môi trường, an toàn và an ninh quốc gia. Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa nguy hiểm phải có Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo quy định do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Thực hiện theo quy định tại khoản 11, khoản 13 Điều 56, Điều 61 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; khoản 1 Điều 49 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15; Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng nguy hiểm trên đường bộ.

5. Hoạt động vận tải hàng hóa thông thường

a) Hoạt động vận tải hàng hóa thông thường là hình thức kinh doanh vận tải hàng hóa trừ các hình thức kinh doanh vận tải quy định tại các khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này;

b) Thực hiện theo quy định tại khoản 11, khoản 13 Điều 56, Điều 61 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; khoản 1 Điều 49 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

Điều 9. Hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô

1. Hoạt động vận tải người nội bộ bằng xe ô tô thực hiện theo khoản 12, khoản 13, Điều 56, Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; Điều 26 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

2. Hoạt động vận tải hàng hóa nội bộ bằng xe ô tô thực hiện theo khoản 12, khoản 13, Điều 25 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; Điều 25 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

Điều 10. Thời gian, phạm vi hoạt động

1. Phương tiện vận tải hành khách, hàng hóa được phép hoạt động 24/24 trên các tuyến đường bộ trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu, trừ các tuyến, đoạn tuyến đường bộ có biển báo cấm hoặc biển hạn chế loại phương tiện hay thời gian hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm chỉ được phép lưu thông theo lộ trình, thời gian nhất định được quy định trong Giấy phép lưu hành xe (trong đô thị) do cơ quan có thẩm quyền cấp; lộ trình lưu thông hạn chế đi qua khu vực đô thị, khu đông dân cư. Trong quá trình hoạt động phải có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.

3. Các loại xe phục vụ mục đích công cộng (*xe thư báo, xe bảo trì, sửa chữa hệ thống báo hiệu đường bộ, điện lực, hệ thống chiếu sáng, trang trí, viễn thông, xe sửa chữa ống nước, chăm sóc cây xanh*) được phép hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị, trong quá trình hoạt động phải có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông.

Điều 11. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải đầu tư các phương tiện xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

2. Tỷ lệ (%) phương tiện của doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải đăng ký tham gia khai thác tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh Lai Châu phải đảm bảo có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật, theo lộ trình như sau:

a) Từ năm 2025 đến hết năm 2030 phải có tối thiểu 05% tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến;

b) Từ năm 2031 đến hết năm 2035 mỗi năm tăng thêm ít nhất 01% tỷ lệ phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến;

c) Sau năm 2035, tối thiểu phải đạt 10% trên tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến.

3. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt đăng ký để được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hoạt động sau ngày Quy định này có hiệu lực thì phải có ít nhất 01 phương tiện trở lên đăng ký hoạt động trên tuyến có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật và phải bảo đảm lộ trình theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Trách nhiệm của Công an tỉnh
 - a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác tổ chức, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đô thị trên địa bàn tỉnh.
 - b) Kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về trật tự, an toàn giao thông trong hoạt động vận tải đường bộ đô thị theo quy định.
2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng
 - a) Phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.
 - b) Chỉ đạo các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện đảm bảo có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật theo Quy định này.
3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Tổ chức triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn, căn cứ tình hình thực tế của địa phương để tổ chức lắp đặt biển báo hiệu giao thông đường bộ trên các tuyến đường đô thị thuộc thẩm quyền quản lý; đồng thời tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quy định này đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.
4. Các sở, ban, ngành, đoàn thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến Quy định này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 13. Trách nhiệm của đơn vị vận tải

1. Thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ và Quy định này.
2. Quản lý, theo dõi người lái xe, phương tiện trong quá trình hoạt động đảm bảo thực hiện đúng lịch trình, hành trình, phạm vi, thời gian hoạt động trong đô thị.
3. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động và pháp luật khác có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Công an tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.